

**Công Ty Cổ
Phần Hóa
Phẩm Dầu
Khí DMC -
Miền Bắc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM
DẦU KHÍ DMC-MIỀN BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **77** /DMCN-TCHC
//v Công bố thông tin

Hà Nội, ngày **21** tháng **03** năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc

2. Mã chứng khoán: PCN

3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

4. Điện thoại: (04) 38271483

Fax: (04) 38780902

5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính (theo Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin số 362/DMCN-TCHC ngày 06/9/2018 của Giám đốc Công ty).

6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc được lập ngày 20/3/2019, bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính www.pvdmcn.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công bố thông tin: UBCKNN, HNX, Website; (www.pvdmcn.com.vn)
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRƯỞNG PHÒNG TCHC**



Nguyễn Tiến Dũng

Deloitte.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ
DMC - MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

★ M.S.C. ★

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tể Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đức Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Khắc Ngự	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018)
Bà Lương Nguyễn Minh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2018)
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019)
Ông Vũ Thanh Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2018)
Ông Lưu Quốc Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018) (miễn nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2018)
Ông Nghiêm Phú Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Dũng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2018)
Ông Trần Khắc Ngự	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018)
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

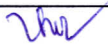
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Dũng
Giám đốc



Ngày 20 tháng 3 năm 2019

100
T
H
T
V
T
P.

Số: 676 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty bị lỗ ba năm liên tiếp và có lỗ lũy kế. Yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1688-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.797.528.662	28.498.961.849
I. Tiền	110	4	684.662.939	1.166.944.902
1. Tiền	111		684.662.939	1.166.944.902
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.271.683.034	3.988.965.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	5.578.912.027	5.605.122.011
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		163.234.300	255.844.805
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.450.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		475.197.091	422.544.084
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(2.664.300.013)	(2.294.545.838)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	7	268.639.629	-
III. Hàng tồn kho	140	8	11.414.574.679	23.060.757.631
1. Hàng tồn kho	141		12.246.203.482	24.216.578.150
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(831.628.803)	(1.155.820.519)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		426.608.010	282.294.254
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	75.002.512	170.420.640
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		239.731.884	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	111.873.614	111.873.614
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.676.576.596	3.257.106.930
I. Tài sản cố định	220		2.110.148.967	3.019.197.819
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.104.398.986	2.990.447.834
- Nguyên giá	222		36.940.667.024	36.940.667.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.836.268.038)	(33.950.219.190)
2. Tài sản cố định vô hình	227		5.749.981	28.749.985
- Nguyên giá	228		148.984.800	148.984.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(143.234.819)	(120.234.815)
II. Tài sản dài hạn khác	260		3.566.427.629	237.909.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.566.427.629	237.909.111
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		23.474.105.258	31.756.068.779

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.462.290.339	4.254.296.147
I. Nợ ngắn hạn	310		4.462.290.339	4.254.296.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	1.296.051.283	1.790.478.158
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		125.545.140	160.791.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	122.400	74.183.462
4. Phải trả người lao động	314		-	253.136.314
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		451.947.474	1.839.334.554
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	2.564.856.197	134.398.279
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		23.393.465	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		374.380	1.974.380
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.011.814.919	27.501.772.632
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	19.011.814.919	27.501.772.632
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.245.500.000	39.245.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.245.500.000	39.245.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.502.539.510	1.502.539.510
3. (Lỗ) lũy kế	421		(21.736.224.591)	(13.246.266.878)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.246.266.878)	(3.286.700.170)
- (Lỗ) năm nay	421b		(8.489.957.713)	(9.959.566.708)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		23.474.105.258	31.756.068.779


Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Công Dũng
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	25.468.508.539	34.325.750.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	33.489.520	57.701.817
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		25.435.019.019	34.268.048.962
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	25.360.223.511	35.063.531.785
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		74.795.508	(795.482.823)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		38.315.777	19.314.740
7. Chi phí tài chính	22		525.117	72.573.948
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	72.137.725
8. Chi phí bán hàng	25	20	3.137.200.983	4.641.668.145
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	5.455.038.728	4.447.328.532
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(8.479.653.543)	(9.937.738.708)
11. Thu nhập khác	31		495.830	215.000.000
12. Chi phí khác	32		10.800.000	236.828.000
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(10.304.170)	(21.828.000)
14. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(8.489.957.713)	(9.959.566.708)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	-
16. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(8.489.957.713)	(9.959.566.708)
17. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(2.163)	(2.538)


Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu


Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Dũng
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(8.489.957.713)	(9.959.566.708)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	909.048.852	1.624.988.121
Các khoản dự phòng	03	68.955.924	19.037.408
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.315.777)	(234.314.740)
Chi phí lãi vay	06	-	72.137.725
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.550.268.714)	(8.477.718.194)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(442.204.031)	2.686.379.759
Giảm hàng tồn kho	10	11.970.374.668	3.723.732.357
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	186.200.727	6.455.484
Tăng chi phí trả trước	12	(3.233.100.390)	(130.969.140)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(72.137.725)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.600.000)	(4.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	929.402.260	(2.269.057.459)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	215.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.450.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.315.777	19.314.740
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.411.684.223)	234.314.740
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	2.715.071.750
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(5.770.184.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(3.055.112.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(482.281.963)	(5.089.855.569)
Tiền đầu năm	60	1.166.944.902	6.256.800.471
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	684.662.939	1.166.944.902

Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Dũng
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PCN.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 07 tháng 01 năm 2019 với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND, tương đương 4.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông nắm giữ 3.324.500 cổ phần, tương ứng với 33.245.000.000 VND, chiếm 84,71% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 600.050 cổ phần, tương ứng với 6.000.500.000 VND, chiếm 15,29% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 72 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 158).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán buôn dầu mỏ, dầu thô chưa tinh chế;
- Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
- Bán buôn phân bón, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn cao su; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt nhựa Polyetylen và các sản phẩm có liên quan;
- Khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất mua bán hóa chất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có lỗ lũy kế với số tiền là 21.736.224.591 VND (lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 13.246.266.878 VND) và Công ty bị lỗ ba năm liên tiếp. Yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và khả năng thu hồi công nợ trong năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần 873 – Xây dựng công trình giao thông, công ty mẹ của Công ty khẳng định sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho hoạt động kinh doanh thông qua bổ sung các nguồn vốn cần thiết cho đến khi Công ty có khả năng tạo ra đủ nguồn tiền phục vụ hoạt động kinh doanh và cho phép Công ty tiếp tục hoạt động liên tục và đáp ứng các nghĩa vụ khi đến hạn thanh toán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp kế toán hàng tồn kho được Công ty áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm lợi thế quyền thuê đất và các chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Lợi thế quyền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

0112
ÔN
NH
3/1
IẾT
ĐA

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ với lợi nhuận của các năm tiếp theo. Không có khoản tài sản thuế hoãn lại nào được ghi nhận do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	42.402.760	117.017.623
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	642.260.179	1.049.927.279
	684.662.939	1.166.944.902

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Cổ phần Thạch Anh Việt Nam	1.342.273.205	335.517.308
- Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	508.530.000	325.325.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.728.108.822	4.944.279.703
	5.578.912.027	5.605.122.011

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất An Phát (quá hạn trên 3 năm)	388.580.000	-	388.580.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long (quá hạn trên 3 năm)	316.800.000	-	316.800.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung (quá hạn trên 3 năm)	284.408.948	-	284.408.948	-
- Công ty Cổ phần Cầu 14 (quá hạn trên 3 năm)	234.310.000	-	234.310.000	-
- Các đối tượng khác	1.440.201.065	-	1.070.446.890	-
	2.664.300.013	-	2.294.545.838	-

Giá trị có thể thu hồi được Công ty tính toán dựa trên cơ sở giá gốc khoản nợ xấu trừ đi dự phòng đã trích lập tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

7. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

Theo kết quả kiểm kê được Công ty thực hiện, một số mã nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa có số lượng trên sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhiều hơn so với số lượng kiểm kê kho thực tế với số tiền tương đương là 268.639.629 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, do chưa có kết luận cuối cùng về nguyên nhân chênh lệch, Công ty ghi nhận giá trị ghi sổ của lượng hàng tồn kho chênh lệch này tại khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.244.881.075	-	3.013.058.649	-
Công cụ, dụng cụ	2.232.716.935	-	2.427.351.800	-
Thành phẩm	7.244.427.365	831.628.803	13.368.314.931	820.441.628
Hàng hoá	524.178.107	-	5.407.852.770	335.378.891
	12.246.203.482	831.628.803	24.216.578.150	1.155.820.519

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 324.191.716 VND (năm 2017 trích lập bổ sung: 86.312.164 VND) do Ban Giám đốc đánh giá lại giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Các khoản khác	75.002.512	170.420.640
	75.002.512	170.420.640
b. Dài hạn		
- Chi phí dự án CaCo3 miền trung	237.909.111	237.909.111
- Lợi thế quyền thuê đất	3.328.518.518	-
	3.566.427.629	237.909.111

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	21.862.147.125	7.189.021.728	6.635.864.307	1.253.633.864	36.940.667.024
Số dư cuối năm	21.862.147.125	7.189.021.728	6.635.864.307	1.253.633.864	36.940.667.024
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	21.046.360.631	7.189.021.728	4.984.640.689	730.196.142	33.950.219.190
Khấu hao trong năm	372.002.343	-	106.427.004	407.619.501	886.048.848
Số dư cuối năm	21.418.362.974	7.189.021.728	5.091.067.693	1.137.815.643	34.836.268.038
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	815.786.494	-	1.651.223.618	523.437.722	2.990.447.834
Tại ngày cuối năm	443.784.151	-	1.544.796.614	115.818.221	2.104.398.986

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 28.276.168.272 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 20.684.200.991 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn	499.328.354	499.328.354	677.066.454	677.066.454
- Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	267.300.000	267.300.000	404.250.000	404.250.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	529.422.929	529.422.929	709.161.704	709.161.704
	1.296.051.283	1.296.051.283	1.790.478.158	1.790.478.158

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết (*)	219.158.685	-
Kinh phí công đoàn	43.751.403	97.383.374
Bảo hiểm xã hội	122.946.109	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	2.179.000.000	37.014.905
	2.564.856.197	134.398.279

(*) Theo kết quả kiểm kê được Công ty thực hiện, một số mã nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa có số lượng trên sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 ít hơn số tồn kho thực tế với số tiền tương ứng là 219.158.685 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, do chưa có kết luận cuối cùng về nguyên nhân chênh lệch, Công ty vẫn tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho này trên tài khoản Phải trả ngắn hạn khác để chờ xử lý.

(**) Khoản phải trả, phải nộp khác tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh số tiền phải trả cho Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần ("DMC") để mua lợi thế quyền thuê đất tại Gia Lâm, Hà Nội.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.873.614	-	-	111.873.614
	111.873.614	-	-	111.873.614
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	69.865.467	967.617.987	1.037.483.454	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	16.800.299	16.800.299	-
Thuế nhập khẩu	-	4.893.291	4.893.291	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.223.135	5.486.896	9.710.031	-
Thuế tài nguyên	94.860	1.611.380	1.583.840	122.400
Thuế nhà đất	-	394.391.121	394.391.121	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	74.183.462	1.393.800.974	1.467.862.036	122.400

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	39.245.500.000	1.502.539.510	(3.286.700.170)	37.461.339.340
Lỗi trong năm	-	-	(9.959.566.708)	(9.959.566.708)
Số dư đầu năm nay	39.245.500.000	1.502.539.510	(13.246.266.878)	27.501.772.632
Lỗi trong năm	-	-	(8.489.957.713)	(8.489.957.713)
Số dư cuối năm nay	39.245.500.000	1.502.539.510	(21.736.224.591)	19.011.814.919

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.924.550	3.924.550
Cổ phiếu phổ thông	3.924.550	3.924.550
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.924.550	3.924.550
Cổ phiếu phổ thông	3.924.550	3.924.550
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 40 tỷ VND tương đương với 4.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	33.884.000.000	84,71%	33.245.000.000	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP			-	33.245.000.000
Các cổ đông khác	6.116.000.000	15,29%	6.000.500.000	6.000.500.000
	40.000.000.000	100%	39.245.500.000	39.245.500.000

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu rắn, lỏng, khí, than đá, dầu mỏ, dầu thô, dầu nhờn, phân bón, tơ, xơ, sợi dệt, cao su, chất dẻo dạng nguyên sinh và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp, các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh nói trên.

Công ty chỉ kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam do vậy không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác.

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	5.871	9.709

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	23.000.406.628	32.952.087.704
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.468.101.911	1.373.663.075
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 23)	4.804.532.000	2.887.701.934
	25.468.508.539	34.325.750.779
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(33.489.520)	(57.701.817)
	25.435.019.019	34.268.048.962

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	17.851.922.508	19.210.692.494
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.086.391.243	15.440.953.446
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	746.101.476	325.573.681
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(324.191.716)	86.312.164
	25.360.223.511	35.063.531.785

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.087.102.756	7.208.923.403
Chi phí nhân công	10.310.025.562	9.757.944.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	909.048.852	1.624.988.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.232.589.843	3.892.326.218
Chi phí khác bằng tiền	3.073.182.623	1.897.669.003
	25.611.949.636	24.381.851.190

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	3.710.685.499	2.929.274.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền	1.090.532.850	824.849.829
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	653.820.379	760.479.309
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(67.274.756)
	5.455.038.728	4.447.328.532
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	724.274.248	1.523.219.839
Cước vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	1.942.773.728	2.403.914.863
Các khoản chi phí bán hàng khác	470.153.007	714.533.443
	3.137.200.983	4.641.668.145

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ trước thuế	(8.489.957.713)	(9.959.566.708)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	233.285.725
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

22. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(8.489.957.713)	(9.959.566.708)
Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(8.489.957.713)	(9.959.566.708)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu	3.924.550	3.924.550
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.163)	(2.538)

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Công ty mẹ và các bên liên quan đến công ty mẹ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	Công ty mẹ

Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của DMC:

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Công ty con
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Từ ngày 03 tháng 12 năm 2018, các công ty này không còn là bên liên quan của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Bắc do Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP đã bán toàn bộ cổ phần mà Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP sở hữu.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	4.804.532.000	2.876.676.934
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	11.025.000
	4.804.532.000	2.887.701.934

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	980.046.005	15.918.470.650
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	146.000.000	9.750.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	1.484.700.000	422.500.000
	2.610.746.005	16.350.720.650

Chuyển nhượng quyền thuê đất

Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	3.800.000.000	-
	3.800.000.000	-

Chuyển tiền nội bộ

Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	1.450.000.000	-
	1.450.000.000	-

Công ty có số dư chủ yếu tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	1.450.000.000	-
	1.450.000.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương thưởng và các khoản phụ cấp	648.533.616	929.186.090
	648.533.616	929.186.090



Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu



Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Công Dũng
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019